

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88 /2018/DS – ST
Ngày 05 -12- 2018
“V/v: T/c hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa* : Bà Đinh Kim Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Văn Tuấn

2. Ông Đào Văn Hiến

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa*: Bà Lê Thị Ngọc Lợi– Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 tháng 11 và ngày 05 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2018/TLST – DS ngày 11 tháng 5 năm 2017, về việc: “Tranh chấp Hợp đồng mua bán” theo Quyết định hoãn phiên tòa số: 206/2018/QĐST – DS ngày 12 tháng 11 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Nguyễn Hồng S, sinh năm 1979, Chủ đại lý Vật tư nông nghiệp A.

Ủy quyền: chị Trần Thị Đ, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: Khóm B, thị trấn M, huyện T, Đồng Tháp.

Theo văn bản ủy quyền ngày 21/5/2018.

- *Bị đơn*: Lê Văn Y, sinh năm 1964.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện T, Đồng Tháp.

(Chị Đ có mặt, ông Y vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Anh Nguyễn Hồng S, chủ đại lý vật tư nông nghiệp A có chị Trần Thị Đ đại diện trình bày:

Ông Lê Văn Y là hộ nông dân canh tác lúa, có mua hàng gồm phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của đại lý. Từ ngày 03/02/2015 đến ngày 28/9/2016 ông Y nợ tổng số tiền 30.994.000đ. Nhiều lần bà đến nhà đòi ông Y trả nợ nhưng ông Y cố tình không trả. Nay, anh S chủ đại lý vật tư nông nghiệp A ủy quyền chị Đ yêu cầu ông Y trả số tiền mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật là 30.994.000đ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 15/6/2018 bà Ngô Thị R (vợ ông Y) trình bày: Việc ông Y có mua phân thuốc bảo vệ thực vật tại đại lý vật tư nông nghiệp A là có, thiếu cụ thể bao nhiêu tiền thì bà không biết nhưng nghe ông Y nói lại là khoảng hai mươi mấy triệu, vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông Y đi làm bảo vệ cho Công ty may tại Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án giao thông báo thụ lý, thông báo hòa giải, quyết định xét xử cho ông Y, bà có thông báo lại cho ông Y, ông Y hứa về giải quyết nhưng ông Y không về.

- Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án.

+ Việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ và tiến hành thủ tục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị Trần Thị Đ chấp hành đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh S, chủ Đại lý vật tư nông nghiệp A, ông Y trả tiền gốc 18.966.000đ + lãi 3.139.000đ, tổng cộng 22.105.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 04/4/2018 và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp giữa các đương sự là Tranh chấp Hợp đồng mua bán thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo khoản 3, Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn Y đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng không đến tham dự phiên tòa. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt ông

[3]. Về nội dung vụ án: Tại phiên tòa chị Đào đại diện anh Sơn trình bày: Ông Lê Văn Y là hộ nông dân canh tác lúa tại khu vực ấp 4, xã H, có mua phân bón, thuốc bảo vệ thực vật của đại lý, việc mua bán không làm hợp đồng cụ thể,

bên bán chỉ viết hóa đơn bán hàng cho bên mua, bên mua không có ký nhận gì với bên bán nhưng bên bán có ghi vào sổ gốc, trong việc mua có trả nhưng không dứt điểm, đến ngày 28/9/2016 đối chiếu, ông Y xác nhận công nợ là 30.944.000đ, đây là chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

Đối với phần lãi, chị Đ cho rằng chỉ thỏa thuận miệng: Đối với lãi tiền phân nếu mua tiền mặt thì thôi, còn mua thiếu thì hai bên thống nhất lãi 2%/tháng, đến mùa thu hoạch lúa, ông Y thanh toán tiền, chị cộng vốn lãi bao nhiêu trừ số tiền ông Y trả còn nợ lại thì tiếp tục cộng dồn mùa sau.

Đối với lãi tiền thuốc trừ sâu, ông Y mua thiếu thì đến mùa thu hoạch lúa thanh toán tiền, trả mà còn thiếu thì tính lãi từ ngày thu hoạch lúa trở về sau.

Cụ thể: Tiền phân, thuốc theo hóa đơn, chứng từ chị giao nộp cho Tòa thì đến thời điểm ngày 28/9/2016 ông Y còn nợ 30.994.000đ. Từ ngày 28/9/2016 đến nay chị không yêu cầu tính lãi.

Tại phiên tòa, chị Đ được anh S ủy quyền thống nhất phần lãi theo quy định nhà nước, số tiền lãi còn thừa chị đồng ý rút yêu cầu, giao cho Hội đồng xét xử xem xét.

Xét lời trình bày của chị Đ là có căn cứ, bởi lẽ việc hai bên thỏa thuận miệng lãi suất 2%/tháng là cao so với quy định, chị đồng ý điều chỉnh lãi 0.83%/tháng. Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó:

Đối với phần phân: Ngày 27/02/2014 đến 23/6/2014 ông Y mua tổng cộng 29.590.000đ, tiền thuốc là 14.658.000đ, ông Y có trả được 15.000.000đ, trừ lãi tiền phân 523.500đ còn lại 14.476.500đ trừ qua tiền thuốc 14.658.000đ chốt sổ dứt nợ thuốc, còn nợ 29.590.000đ tiền phân.

Ngày 28/6/2014 đến ngày 19/9/2014, ông Y mua thuốc tổng cộng 8.355.000đ, trả 20.000.000đ, trừ lãi phân 737.000đ ($29.590.000 \times 0,83\% \times 3$ tháng), còn lại 19.263.000đ trừ thuốc 8.355.000đ, còn lại 10.908.000đ trừ tiếp tiền phân 29.590.000đ, ông Y còn nợ lại 18.682.000đ.

Ngày 09/10/2014 đến ngày 25/5/2015, ông Y mua phân nhiều lần tổng cộng 8.375.000đ, nợ cũ 18.682.000đ, tổng cộng phân 27.057.000đ, mua thuốc 4.285.000đ. Trả 14.000.000đ, trừ lãi tiền phân 1.624.000đ ($18.682.000đ \times 0,83\% \times 7,5$ tháng), trừ tiền thuốc 4.285.000đ, trừ tiếp tiền phân 27.057.000đ, còn nợ lại 18.966.000đ.

Ngày 05/9/2018, ông Y trả 3.000.000đ, trừ lãi tiền phân từ 25/5/2015 đến 05/9/2018 là 6.139.000đ ($18.966.000đ \times 0,83\% \times 39$ tháng), như vậy ông Y còn nợ vốn tiền phân 18.966.000đ + lãi 3.139.000đ, tổng cộng 22.105.000đ.

Từ ngày 05/9/2018 đến ngày xét xử chị Đ không yêu cầu tính lãi Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với ông Y, Tòa án mời nhiều lần ông không đến để tham dự hòa giải, tham dự phiên tòa. Nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông.

[4] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của anh S nên ông Y phải chịu án phí theo quy định $22.105.000đ \times 5\% = 1.105.000đ$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, 430, 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hồng S.

Buộc ông Lê Văn Y có trách nhiệm trả cho anh S gốc 18.966.000đ + lãi 3.139.000đ, tổng cộng 22.105.000đ.

Đình chỉ một phần yêu cầu của anh S đòi ông Y trả số tiền 8.889.000đ.

Khi có đơn yêu cầu thi hành án của anh S, mà ông Y chưa thi hành xong số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất chậm trả quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn Y phải nộp 1.105.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

- Anh Nguyễn Hồng S không phải nộp tiền án phí dân sự. Hoàn trả cho anh Nguyễn Hồng S 775.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo lai thu số 0003049 ngày 18/5/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười.

3. Quyền kháng cáo: Anh Nguyễn Hồng S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng ông Lê Văn Y vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi ông yên cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh, huyện;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- THA dân sự huyện;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Oanh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đinh Kim Oanh